

Số: 06/2025/QĐST-HNGĐ

Hung Yên, ngày 21 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HUNG YÊN

Căn cứ Điều 149, Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 36/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2025 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu:

Anh Lê Văn L, sinh năm 1984

HKTT/Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, tỉnh Hưng Yên

Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1994

HKTT/Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, tỉnh Hưng Yên

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Cháu Lê Đức A, sinh ngày 13/9/2012

Cháu Lê Thị Thanh V, sinh ngày 24/10/2014

Cùng HKTT/Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, tỉnh Hưng Yên

Người đại diện theo pháp luật của cháu Lê Đức A và Lê Thị Thanh V là anh Lê Văn L (bố đẻ các cháu)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn L và chị Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện V, tỉnh Hưng Yên ngày 28/3/2012 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35, quyển số 01/2012 (nay là UBND xã Đ, tỉnh Hưng Yên), đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ

chồng hạnh phúc bình thường được đến năm 2021 thì nảy sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng về lối sống, cách chi tiêu, quản lý tài chính gia đình và phương pháp nuôi dạy con cái. Tuy là vợ chồng nhưng không thể tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, không còn sự gắn kết. Từ năm 2024, anh chị đã ly thân do không còn tình cảm, cuộc sống chung của vợ chồng không còn hạnh phúc. Vì vậy, anh L và chị T cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh, chị.

Xét thấy mâu thuẫn giữa anh L và chị T đã trầm trọng, vợ chồng ly thân và không còn quan tâm gì đến nhau. Điều đó chứng tỏ anh chị chung sống với nhau không có hạnh phúc, hôn nhân trên thực tế đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai đều yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Yêu cầu này của anh chị có căn cứ và phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh L và chị T.

[2] Về con chung: Anh Lê Văn L và chị Nguyễn Thị T cùng xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Đức A, sinh ngày 13/9/2012 và cháu Lê Thị Thanh V, sinh ngày 24/10/2014.

Nay ly hôn, anh L và chị T cùng thống nhất thỏa thuận:

Anh L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu Lê Đức A và Lê Thị Thanh V cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh L và chị T thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Xét thấy việc thỏa thuận nuôi dưỡng, chăm sóc con chung sau ly hôn của anh L và chị T là tự nguyện, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của mỗi bên, phù hợp với nguyện vọng của con chung và quy định tại điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận sự tự nguyện này.

[3] Về tài sản chung, công nợ, công sức và đất ruộng nông nghiệp: Anh Lê Văn L và chị Nguyễn Thị T cùng xác nhận không có gì chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh L và chị T thỏa thuận thống nhất để anh L nộp toàn bộ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật nên sẽ chấp nhận sự thỏa thuận này của anh chị.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 13/8/2025, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Lê Văn L, sinh năm 1984 và chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1994 đều tự nguyện thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Anh L và chị T cùng xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Đức A, sinh ngày 13/9/2012 và cháu Lê Thị Thanh V, sinh ngày 24/10/2014. Nay ly hôn, anh L và chị T thỏa thuận thống nhất: Anh L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu Lê Đức A và Lê Thị Thanh V cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Anh L và chị T thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- **Về tài sản chung, công nợ, công sức và đất ruộng nông nghiệp:** Anh L và chị T cùng xác nhận không có gì chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí:

Hai bên thống nhất thỏa thuận để anh L nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đối trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000403 ngày 05/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên. Anh L đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- VKSND khu vực 4 - Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
(nay là: UBND xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên) - (ĐKKH số 35, quyển 01/2012 ngày 28/3/2012);
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán

Phạm Văn Huấn